

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1709*/LĐTĐBXH-ATLĐ

V/v điều chỉnh chức danh một số chức danh nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

Hà Nội, ngày *28* tháng năm 2012

Kính gửi: Công ty cổ phần MEINFA

Trả lời công văn số 14/TH ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Công ty cổ phần MEINFA về việc ghi ở trích yếu. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

1. Điều chỉnh một số chức danh nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm mà Công ty cổ phần MEINFA đã xếp và trả lương nhưng ghi sai trong sổ bảo hiểm xã hội. Danh mục điều chỉnh tên nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đính kèm theo công văn này.

2. Đề nghị Công ty cổ phần MEINFA khi ghi sổ bảo hiểm xã hội cần ghi đúng chức danh nghề theo Danh mục đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành./ *Thầy*

**Nơi nhận:**

- Như trên (03 bản);
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam (02 bản);
- Sở LĐTBXH tỉnh Thái Nguyên;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên;
- Vụ Bảo hiểm xã hội;
- Vụ Lao động – Tiền lương;
- Lưu: VT, Cục ATLĐ(03 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Bùi Hồng Lĩnh**

# PHỤ LỤC

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH TÊN NGHỀ, CÔNG VIỆC NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM  
VA ĐẶC BIỆT NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM

(Kèm theo công văn số *LĐTBXH/144* ngày tháng năm 2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)



TT	Tên nghề, công việc ghi trong sổ BHXH	Lương theo Nghị định 26/CP ngày 23/5/1993	Lương theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004	Tên được công nhận của các nghề, công việc nêu tại cột a	Quyết định của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH có quy định nghề, công việc được công nhận tại cột c
	a	b	c	d	e
1	Công nhân rèn; công nhân rèn máy búa; công nhân rèn đập.	A1 nhóm III	A1.6 nhóm III	Rèn búa máy từ 350 kg trở lên.	Quyết định số: 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995 (Điều kiện lao động loại IV)
2	Công nhân nhiệt luyện; công nhân nhiệt luyện kim loại.	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Nhiệt luyện kim loại có dùng hóa chất.	Quyết định số: 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995 (Điều kiện lao động loại IV)
3	Công nhân sơn thủ công; công nhân sơn tẩy; công nhân sơn tẩy a xít, công nhân sơn.	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Sơn bằng phương pháp thủ công.	Quyết định số: 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996 (Điều kiện lao động loại IV)
4	Công nhân mạ; công nhân mạ crôm; công nhân mạ niken; công nhân mạ kẽm; công nhân mạ đánh bóng; công nhân điện hóa.	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Mạ kim loại và xyanua.	Quyết định số: 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996 (Điều kiện lao động loại IV)



	a	b	c	d	e
5	Công nhân nguội mài; công nhân mài 2 đá; công nhân mài kéo kẹp; công nhân mài kim điện; công nhân mài khô; công nhân mài; công nhân mài clê.	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Mài khô kim loại.	Quyết định số: 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996(Điều kiện lao động loại IV)
	Công nhân đúc; thợ nấu, đúc gang; tổ trưởng tổ đúc.	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Nấu đúc gang trong phân xưởng cơ khí.	Quyết định số: 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996 (Điều kiện lao động loại IV)
7	Công nhân đánh bóng kéo kẹp; công nhân đánh bóng kim điện; công nhân đánh bóng mạ; công nhân đánh bóng.	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Chà sáng, cạo ri, đánh bóng kim loại.	Quyết định số: 190/LĐTBXH-QĐ ngày 03/3/1999 (Điều kiện lao động loại IV)
8	Công nhân phun cát; công nhân phun bi	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Vận hành máy quay, đánh bóng bi kim loại.	Quyết định số: 190/LĐTBXH-QĐ ngày 03/3/1999 (Điều kiện lao động loại IV)
9	Công nhân hàn; công nhân hàn MIC; công nhân hàn TIG; công nhân hàn CO2; công nhân hàn khí CO2.	A.1 nhóm III	A.1.6 nhóm III	Hàn điện, hàn hơi.	Quyết định số: 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996 (Điều kiện lao động loại IV)